TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HSST

Ngày: 28/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hà Toàn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hiển; Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị Tường V, tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ; sinh ngày 19/12/1970; Nơi cư trú: số nhà 13, tổ 14, phường P, thành phố T1, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Phạm Ngọc L, sinh năm 1940, đã chết; Họ tên mẹ: Trịnh Thị H, sinh năm 1947; Hiện cư trú số nhà 13, tổ 14, phường P, thành phố T1, tỉnh T; Họ tên chồng: Đặng Quốc N, sinh năm 1954; Nơi cư trú: thôn P, xã Ph, thành phố T1, tỉnh T; Con có 01 con sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 22/12/2019 đến ngày 25/12/2019 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh T (Có mặt tại phiên tòa);

2. Vũ Thị Cẩm V1, tên gọi khác: N; Giới tính: Nữ; sinh ngày 03 tháng 7 năm 1986; Nơi cư trú: thôn Đ, xã V, thành phố T1, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên cha: Vũ Minh T, sinh năm 1956; Họ tên mẹ: Phạm Thị Th, sinh năm 1958; Hiện cư trú số nhà 26, ngõ 9, tổ 2, phường Q, thành phố T1, tỉnh T; Họ tên chồng: Phùng Công

Th, sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn Đ, xã V, thành phố T1, tỉnh T; Con có 02, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Hiện bị cáo tại ngoại; (Có mặt tại phiên tòa);

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1971, nơi cư trú: khu M, thị trấn V1, huyện V, tỉnh T; anh Nguyễn Văn Đ (D), sinh năm 1965, nơi cư trú: thôn A, xã Tr, huyện V, tỉnh T; chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983, nơi cư trú: thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh T (Đều vắng mặt tại phiên tòa)

* *Người làm chứng:* ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959, nơi cư trú: số nhà 130, tổ 15, phường P, thành phố T1, tỉnh T (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 22/12/2019, Phạm Thị Tường V đang ở quán bán nước của mình ở thôn T, xã S, huyện V thì Nguyễn Văn Đ (D), sinh năm 1965, trú tại thôn A, xã Tr, huyện V, tỉnh T và Nguyễn Đức T, sinh năm 1971, cư trú khu khu M, thị trấn V1, huyện V, tỉnh T đi xe mô tô đến uống nước, lúc này thì Vũ Thị Cẩm V1 cũng đến, V bảo V1 vào ngồi uống nước cùng Đ và T. V nói với Đ và T: "Mời hai anh đi chơi", ý mời Đ và T mua dâm, Đ hỏi V: "Hai người hết bao nhiêu tiền", V đáp: "Năm trăm nghìn đồng hai người còn tiền phòng các anh tự trả", Đ lấy từ trong túi quần ra 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đưa cho V, V cầm tiền bỏ vào túi áo rồi bảo T đi mua dâm V1. Sau đó V lấy điện thoại gọi cho người nào đó và quay ra nói: "Hôm nay nhà nó có việc bận không đi được", lúc này V1 nói: "Để em điện thoại cho đứa bạn em", rồi V1 lấy điện thoại gọi cho Vũ Thị D, sinh năm 1983, cư trú tại thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh T nói: "Chị ơi đi khách", D trả lời: " Khách của V tao không đi đâu", V1 đáp: "Chị 300.000 đồng, em 200.000 đồng", D đồng ý, V1 quay ra nói với Đ được rồi. Rồi V1 đi ra lấy xe đi hướng về thành phố T1 và gọi điện cho D sang nhà nghỉ M bán dâm. Khi V1 đi thì T và Đ cũng ra lấy xe thì V nói với Đ và T: "Hai anh thanh toán tiền nước rồi sang nhà nghỉ M cho gần", Đ lấy trong túi đưa cho V 50.000 đồng để trả tiền nước, V trả lại Đ 20.000 đồng. Sau đó Đ và T điều khiển xe sang nhà nghỉ M thuộc thôn T, xã S, huyện V thuê hai phòng 104,105, Đ vào phòng 104 còn T vào phòng 105. Khoảng 10 phút sau thì V1 đến nhà nghỉ M đợi D, khi D đến V1 xin ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959, cư trú số nhà 130, tổ 15, phường P, thành phố T1, tỉnh T – là lễ tân tại nhà nghỉ M 02 bao cao su, V1 đưa D một bao cao su

rồi hỏi lên phòng 104 và 105. V1 vào phòng 105 bán dâm cho T còn D vào phòng 104 bán dâm cho Đ. Sau khi vào phòng 105, V1 đi sang phòng 104 hỏi và được Đ cho 50.000 đồng, đây là tiền công V1 gọi D đến bán dâm cho Đ. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày khi V1 đang bán dâm cho T ở phòng 105, D đang bán dâm cho Đ ở phòng 104 tại nhà nghỉ M thuộc địa phận thôn T, xã S, huyện V thì bị tổ công tác Công an huyện V phát hiện, bắt quả tang. Cơ quan điều tra thu giữ tại phòng số 104: 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Romax màu vàng, 01 bao cao su đã qua sử dụng; thu tại phòng 105: 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Romax màu vàng, 01 bao cao su đã qua sử dụng; Vũ Thị Cẩm V1 tự nguyện giao nộp 01 điện thoại Nokia màu đen, bên trong gắn 02 sim, Nguyễn Thị D tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen, bên trong có gắn 02 sim. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Thị Tường V, Cơ quan điều tra không thu giữ tài sản gì. Quá trình làm việc Phạm Thị Tường V tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen, bên trong có gắn 01 sim và số tiền 4.550.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố Phạm Thị Tường V không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai nhận: Khoảng 09 giờ ngày 22/12/2019, khi V đang ở quán bán nước của mình ở thôn T, xã S, huyện V thì Nguyễn Văn Đ (D), sinh năm 1965, trú tại thôn A, xã Tr, huyện V và Nguyễn Đức T, sinh năm 1971, cư trú khu M, thị trấn V1, huyện V đi xe mô tô đến uống nước, sau đó Đ hỏi V: "Có gái không", V hiểu là hỏi có gái bán dâm không, V trả lời: "Không", đúng lúc này Vũ Thị Cẩm V1 (N) đi đến và nói: "Có em đây", T liền nói: "Còn anh thì sao", V1 liền nói đi theo em, em gọi quán chị L cho, sau đó cả ba người đi. Trước khi đi Đ để 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng trên bàn uống nước, V hỏi: "Tiền cà phê đây à", Đ đáp: "ừ, tí quay lại", V cầm tờ 500.000 đồng cất vào túi. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì bị can V được mời đến Công an huyện V.

Lời khai của Vũ Thị Cẩm V1 và người có nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Đức T đều thể hiện: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22/12/2019, tại quán uống nước của Phạm Thị Tường V ở thôn T, xã S, huyện V, thì V đã nói với Đ và T: "Mời hai anh đi chơi", Đ và T đều hiểu là V mời mua dâm nên Đ hỏi: "Hai người hết bao nhiêu tiền", V đáp: "Năm trăm nghìn đồng hai người còn tiền phòng các anh tự trả", Đ lấy từ trong túi quần ra 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đưa cho V, V cầm tiền cất vào túi. Đây là số tiền mà Đ đưa cho V để Đ và T mua dâm.

Cáo trạng số 12/CT-VKSVT ngày 06/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố đối với các bị cáo Phạm Thị Tường V và Vũ Thị Cẩm V1 về tội "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Tường V và Vũ Thị Cẩm V1 phạm tội "Môi giới mại dâm"

- Áp dụng khoản 1 Điều 328, điểm i, khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự : Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tường V từ 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị Cẩm V1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì các bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự : Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Romax màu vàng; 02 bao cao su đã qua sử dụng; Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia màu đen bên trong gắn 02 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen bên trong có gắn 01 sim và số tiền 500.000 đồng. Trả lại Nguyễn Thị D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen bên trong có gắn 02 sim (Các vật chứng nêu trên có đặc điểm trong biên bản giao nhận giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 26/3/2020). Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 50.000 đồng của Vũ Thị Cẩm V1.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo không bổ sung gì thêm, không tranh luận với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đều tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Thị Tường V và Vũ Thị Cẩm V1 được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Biên bản phạm pháp quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập hồi 10 giờ 45 phút, ngày 22 tháng 12 năm 2019 tại nhà nghỉ M thuộc địa chỉ thôn T, xã S, huyện V, (Bút lục từ số 01 đến số 04).

- Biên bản kiểm tra thông tin trên điện thoại do Công an huyện V lập ngày 22/12/2019 (Bút lục từ số 115 đến số 118)

- Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Công an huyện V lập ngày 22/12/2019 (Bút lục từ số 98 đến số 105).

- Biên bản ghi lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959, cư trú số nhà 130, tổ 15, phường P, thành phố T1, tỉnh T (Bút lục số 220 đến số 223).

- Biên bản ghi lời khai những người có nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Đức T, sinh năm 1971, Nguyễn Thị D, sinh năm 1983, Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965 (Bút lục từ số 190 đến số 219).

- Biên bản đối chất các ngày 15/01/2020, 17/01/2020 và 13/02/2020 (Bút lục từ số 226 đến số 239).

Quá trình điều tra, truy tố Vũ Thị Cẩm V1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị can phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. (Bút lục từ số 168 đến số 185).

Quá trình điều tra, truy tố Phạm Thị Tường V không thừa nhận hành vi phạm tội (Bút lục từ số 150 đến số 163) nhưng lời khai của bị can Vũ Thị Cẩm V1 và những người có

nghĩa vụ liên quan đều đủ căn cứ xác định bị can Phạm Thị Tường V có hành vi môi giới cho Vũ Thị Cẩm V1 bán dâm cho Nguyễn Đức T.

Tại phiên tòa Phạm Thị Tường V sau khi nghe công bố các tài liệu nêu trên đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 22/12/2019, tại quán nước của Phạm Thị Tường V, sinh ngày 19/12/1970 ở thôn T, xã S, huyện V, Phạm Thị Tường V đã có hành vi môi giới cho Vũ Thị Cẩm V1 bán dâm cho Nguyễn Đức T và Vũ Thị Cẩm V1 đã có hành vi môi giới cho Nguyễn Thị D bán dâm cho Nguyễn Văn Đ. Bị cáo Vũ Thị Cẩm V1 được hưởng lợi số tiền 50.000 đồng.

Vì vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy việc xét xử các bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết để giáo dục và cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo V là người khởi xướng việc môi giới mại dâm, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo V không thừa nhận hành vi phạm tội, không thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa sau khi nghe công bố các tài liệu có trong hồ sơ, bị cáo V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo V1 sau khi V không gọi được người bán dâm cho Đ thì V1 đã gọi cho D để môi giới cho D bán dâm cho Đ. Vì vậy V có vai trò thứ nhất và V1 có vai trò thứ hai trong vụ án này.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Phạm Thị Tường V và Vũ Thị Cẩm V1 không bị áp dụng tình tiết tặng nặng nào. Bị cáo Phạm Thị Tường V và Vũ Thị Cẩm V1 đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự . Bị cáo Vũ Thị Cẩm V1 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là đang phải điều trị bệnh ung thư tuyến giáp theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự;

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Vũ Thị Cẩm V1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình

tiết giảm nhẹ, hiện bị cáo V1 đang phải điều trị bệnh ung thu tuyến giáp. Vì vậy không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà giao cho UBND nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Phạm Thị Tường V trong quá trình điều tra, truy tố Phạm Thị Tường V không thừa nhận hành vi phạm tội, chưa thành khẩn khai báo; tại phiên tòa bị cáo V mới thành khẩn khai báo. Bị cáo V có vai trò thứ nhất trong vụ án, vì vậy phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục và cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Cần phải tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Romax màu vàng; 02 bao cao su đã qua sử dụng;

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia màu đen bên trong gắn 02 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen bên trong có gắn 01 sim và số tiền 500.000 đồng. Trả lại Nguyễn Thị D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen bên trong có gắn 02 sim (Các vật chứng nêu trên có đặc điểm trong biên bản giao nhận giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 26/3/2020). Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 50.000 đồng của Vũ Thị Cẩm V1.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Tường V và Vũ Thị Cẩm V1 phạm tội "Môi giới mại dâm".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự : Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tường V 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị Cẩm V1 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy

định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật này.

Giao bị cáo Vũ Thị Cẩm V1 cho Uỷ ban nhân dân xã V, thành phố T1, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự : Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Romax màu vàng; 02 bao cao su đã qua sử dụng; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia màu đen bên trong gắn 02 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen bên trong có gắn 01 sim và số tiền 500.000 đồng. Trả lại Nguyễn Thị D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen bên trong có gắn 02 sim (Các vật chứng nêu trên có đặc điểm trong biên bản giao nhận giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 26/3/2020). Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 50.000 đồng của Vũ Thị Cẩm V1.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo Phạm Thị Tường V và Vũ Thị Cẩm V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh T;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh T;
- VKSND huyện V,
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã V, thành phố T1
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hà Toàn Thắng